

## Đôi điều hiểu biết về sinh vật ngoại lai ở Việt Nam

GS.TS Bùi Công Hiến

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Sinh vật ngoại lai là một thuật ngữ để chỉ một loài sinh vật từ một đơn vị địa lý hành chính (vùng lãnh thổ) khác xâm nhập vào và gây ra những tác hại, tiêu cực cho môi trường hay con người. Tuy nhiên theo quy luật tự nhiên, sinh vật không bao giờ “đứng yên” một chỗ. Chúng thường xuyên và liên tục vận động, phát tán một cách chủ động hay bị động. Một số nước còn chủ động nhập những sinh vật được cho là có hại để nghiên cứu và khai thác phục vụ đời sống... Điều này có nghĩa, chúng ta cần phải tiếp cận và hiểu biết những sinh vật lạ để sử dụng hay khống chế một cách khoa học và chủ động.

### Mở đầu

Sinh vật ngoại lai (exotic, allochthonous species) là một thuật ngữ để chỉ một loài sinh vật (vi sinh, nấm, thực vật hay động vật) từ một đơn vị địa lý hành chính (vùng lãnh thổ) khác xâm nhập vào và gây ra những tác hại, tiêu cực cho môi trường hay con người. Ở cấp quốc gia thì gọi là sinh vật ngoại lai cho quốc gia đó; ở cấp vườn quốc gia hay khu bảo tồn thiên nhiên thì gọi là sinh vật ngoại lai cho vườn/khu bảo tồn đó...

Theo quy luật tự nhiên, sinh vật không bao giờ “đứng yên” một chỗ. Chúng thường xuyên và liên tục vận động, phát tán một cách chủ động do quần thể tăng trưởng mạnh mà mở rộng vùng phân bố hoặc di cư hay du cư... Cũng có thể chúng được phát tán nhờ gió, dòng hải lưu, chim, thú... Đặc biệt, nhiều sinh vật đã nhờ con người để đến nay trở thành loài phân bố toàn cầu như gián Mỹ (*Periplaneta americana*) hay nhiều loài côn trùng và sinh vật khác.

Nói chung, sinh vật không quan tâm đến “quy định hành chính của con người”. Khả năng phát tán và tồn tại của một loài sinh vật cụ thể tùy thuộc vào chính khả năng thích nghi sinh thái của loài đó. Do vậy, trong sinh thái học mới có khái

niệm như “loài rộng sinh cảnh” (habitat) hay “hẹp sinh cảnh”; “loài rộng nhiệt hay hẹp nhiệt”, “loài đơn thực” (monophaga), “loài hẹp thực” (oligophaga) hay loài “đa thực” (polyphaga)... Người ta thường sử dụng khái niệm “thế năng sinh thái/tiềm năng sinh thái” hoặc “ổ sinh thái/tổ sinh thái” để đánh giá khả năng thích nghi, tồn tại của một loài sinh vật trong một khu vực địa lý nào đó. Như vậy, mỗi loài có giới hạn vùng phân bố riêng phụ thuộc vào các yếu tố sinh thái mà con người cần biết để bảo tồn, khai thác hay khống chế.

### Tình hình nghiên cứu về sinh vật ngoại lai ở Việt Nam

Trong hơn 20 năm gần đây có một bộ phận các nhà sinh học và môi trường đã quan tâm tới sinh vật ngoại lai. Đặc biệt từ khi bùng nổ nạn ốc bươu vàng gây hại cho nông nghiệp. Thật ra, từ khi thành lập các cơ quan kiểm dịch động, thực vật đã có danh sách những loài động, thực vật cần kiểm dịch, tức không cấp “visa” vào Việt Nam. Bởi vì đó là những loài động, thực vật ngoại lai, nếu chúng theo hàng hóa (ví dụ một kho, cỗ đại...) xâm nhập vào Việt Nam sẽ phát dịch, khó ngăn chặn và gây tổn hại cho kinh tế. Bản danh sách kiểm dịch rất cụ thể, chi tiết và theo tiêu chuẩn quốc tế trong giao thương.



Ốc bươu vàng hại lúa.

Từ thời Pháp thuộc, người Pháp đã đưa một số cây trồng từ châu Phi, châu Đại Dương vào Việt Nam. Trong khoảng thời gian mấy chục năm gần đây, do “mở cửa” phát triển kinh tế, chúng ta du nhập một số cây, con để phát triển kinh tế. Ví dụ, cây Ca cao, Mắc ca, Cao lương, Sachi hay cây Phong lá đỏ trồng ở Hà Nội, cây Anh Đào Nhật Bản ở Đà Lạt... Một số cá, chim và thú cảnh cũng được du nhập như một thời chúng ta đã nuôi vẹt Hồng Kông, chó Nhật... Điều này thể hiện việc chuyển giao động, thực vật từ nơi này đến nơi khác, từ quốc gia này sang quốc gia khác diễn ra thường xuyên và liên tục. Vấn đề đáng quan tâm là cần có trình độ khoa học và công nghệ phù hợp để đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế bền vững.

Hiện nay trên mạng internet, nếu tra từ khóa “sinh vật ngoại lai ở Việt Nam”, sẽ có rất nhiều thông tin từ danh sách những loài nguy hại chính, vùng phát triển gây hại và đề xuất các biện pháp phòng ngừa... Ví dụ, Nguyễn Hồng Sơn (2015) có bài “Hiện trạng và đề xuất giải pháp phòng ngừa sinh vật ngoại lai xâm hại ở Việt Nam” đã nêu đối tượng cây trinh nữ (cây dương), ốc bươu vàng, bèo lục bình là những loài sinh vật ngoại lai nguy hiểm và đề xuất biện pháp ngăn ngừa. Hiếu Công (2017) ở Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản II đã cung cấp danh sách 5 loài sinh vật ngoại lai nguy hại ở Sóc Trăng là cá chim trắng, lau kính, rô phi thường, rô phi vằn và ốc bươu vàng... Tuy có nhiều thông tin về sinh vật ngoại lai ở Việt Nam, nhưng cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu hệ thống và thống kê đầy đủ những loài sinh vật ngoại lai gây hại và không gây hại ở Việt Nam. Nhìn chung các kết quả còn phân tán và phiến diện.

### Một số mẫu chuyện để suy ngẫm

Dưới đây chúng tôi xin chia sẻ một vài mẫu chuyện đã được chứng kiến để suy ngẫm và các cơ quan nghiên cứu, các cơ quan quản lý có thể tham khảo.

*Câu chuyện thứ nhất:* cách đây gần 30 năm, Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đau đầu vì những người buôn thức ăn nuôi chim cảnh đã nhập từ Trung Quốc về loại sâu bột (*Tenebrio molitor*). Loài này có trong danh sách kiểm dịch thực vật. Bởi chúng có thể ăn nhiều loại thức ăn như hạt hay bột ngũ cốc, ngô hoặc quả tươi và rau như cà rốt, khoai tây, đậu tương... Ấu trùng loài này thường được sử dụng làm thức ăn cho bộ sát, cá, gia cầm và cả con người. Ở Việt Nam, sâu bột được coi là có nguồn gốc từ Địa Trung Hải, nhưng chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc theo đường tiểu ngạch. Một số báo địa phương do

nhầm lẫn (không phân biệt được sâu bột với sâu quy) đã có những bài viết cảnh báo cộng đồng về nguy cơ tương tự như ốc bươu vàng. Chúng tôi đã từng nuôi thử nghiệm để thu con trưởng thành, nhưng thất bại. Qua đây có thể thấy, mặc dù nằm trong danh mục kiểm dịch thực vật, nhưng sâu bột cũng có những mặt lợi nếu chúng ta biết khai thác hợp lý.

*Câu chuyện thứ hai:* khoảng vào năm 2001-2002, chúng tôi nhận được yêu cầu của Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lên Lạng Sơn. Bởi vì, Trạm kiểm dịch động vật ở Lạng Sơn thu giữ 200 hộp nuôi loài Kiến gai đen (*Polyrhachis dives*) do người Trung Quốc ở bên kia biên giới gửi sang, nhờ nuôi gia công 3 tháng, rồi chuyển trở lại để họ thu “trứng kiến” (đúng ra là nhộng kiến). Thời giá lúc ấy 1 kg trứng kiến là 350 USD, tương đương gần 8 triệu đồng. Khi đó ở Lạng Sơn có việc “tạm nhập, tái xuất” kiến đông lạnh, mỗi lần khoảng 5,5 tấn kiến. Chúng tôi đã ở lại Lạng Sơn gần 1 tuần để điều tra, khảo sát về Kiến gai đen giống như mẫu kiến đang nuôi chuyển từ Trung Quốc sang, có mặt trong tự nhiên ở vùng Lạng Sơn hay không? Kết quả chúng tôi tìm được một tổ kiến ở ven suối, cách TP Lạng Sơn khoảng 15 km. Như vậy, Kiến gai đen đã phân bố ở Việt Nam từ trước. Năm 2017, Bùi Thanh Vân đã bảo vệ luận án tiến sĩ về kiến cũng tìm thấy Kiến gai đen ở ngoại ô Hà Nội.

Trong cuộc họp với các đơn vị hữu quan ở Hà Nội, chúng tôi có đề nghị nên khoanh vùng để tiếp tục nuôi Kiến gai đen, tranh thủ học tập kỹ thuật nhân nuôi từ Trung Quốc. Khi chúng tôi trở lại Lạng Sơn để muốn cùng Trạm kiểm dịch động vật Lạng Sơn tiếp tục nhân nuôi và theo dõi, học tập cách nhân nuôi và khai thác Kiến gai đen, thì đáng tiếc 200 hộp nuôi kiến đã bị đốt vì áp lực từ nhiều phía. Sau này có một vài nhóm cán bộ khoa học thuộc

lĩnh vực hóa học và y học cổ truyền biết được giá trị của Kiến gai đen đã nghiên cứu và đưa ra sản phẩm bổ dưỡng từ Kiến gai đen thu được ở Vĩnh Phúc. Ở các nước phát triển họ rất giỏi trong nhân nuôi động, thực vật để khai thác, ví dụ nuôi côn trùng bằng thức ăn nhân tạo (lập công ty, thành hàng hóa và có cả sách hướng dẫn đầy đủ) còn chúng ta lại ít quan tâm đến vấn đề này.

*Câu chuyện thứ ba:* khi làm luận án tiến sĩ ở CHDC Đức (1969-1973), chúng tôi đã nhân nuôi loài mọt Cứng đốt (*Trogoderma granarium*, một đối tượng được coi là rất nguy hiểm vì có trong danh mục kiểm dịch quốc tế) để nghiên cứu về cơ chế giao tiếp sinh học của chúng. Ở các nước phát triển người ta còn du nhập một số loài bọ cánh cứng ăn thịt (những đối tượng được coi là nguy hại cho sản xuất) để tiêu diệt đối tượng gây hại trên đồng ruộng (biện pháp phòng trừ sinh học)... Ở Việt Nam cũng đã du nhập một loài côn trùng (có trong danh mục kiểm dịch thực vật) để tiêu trừ sâu hại dưa ở miền Trung. Điều này có nghĩa, chúng ta cần phải tiếp cận và hiểu biết những sinh vật lạ để sử dụng hay khống chế một cách khoa học và thông minh, chủ động.

Một số câu chuyện như vậy để thấy đề tài sinh vật ngoại lai ở Việt Nam rất đa dạng và phức tạp. Việc nghiên cứu về những sinh vật này ở nước ta hiện nay chưa đầy đủ, thiếu cơ sở khoa học. Không thể một đơn vị nghiên cứu, hay một nhà khoa học có thể nắm bắt và giải quyết được hết các vấn đề của sinh vật ngoại lai. Do vậy, để sử dụng hay khống chế chúng một cách khoa học, thiết nghĩ cần tập hợp một lực lượng chuyên gia thuộc các lĩnh vực liên quan tổng điều tra, khảo sát, đánh giá, phân tích để có giải pháp xử lý phù hợp, hiệu quả ✍